

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 818 /SNV-TCBC
V/v thẩm định dự thảo quyết định quy
phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh

Tuyên Quang, ngày 18 tháng 11 năm 2019

Kính gửi: Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2019,

Sau khi tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan và ý kiến các đại biểu dự họp tại cuộc chuyên đề Ủy ban nhân dân tỉnh ngày 15/11/2019, Sở Nội vụ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định 02 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

1. Dự thảo Tờ trình và Quyết định đánh giá, xếp loại hằng năm đối với cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc; Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh Tuyên Quang.

2. Dự thảo Tờ trình và Quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

(Có dự thảo Tờ trình; dự thảo Quyết định; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị; bản chụp ý kiến góp ý gửi kèm)

Đề kịp thời tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp và chuẩn bị tài liệu họp của Ủy ban nhân dân tỉnh tháng 11/2019; Sở Nội vụ trân trọng đề nghị Sở Tư pháp quan tâm thẩm định và gửi kết quả thẩm định về Sở Nội vụ **trước ngày 22/11/2019** để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (Báo cáo);
- GD, PGD Sở;
- Lưu: VT, TCBC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Ngọc Khánh



Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019

TỜ TRÌNH

Đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc; Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2019, Sở Nội vụ kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang; các tổ chức Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc; Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh Tuyên Quang(sau đây viết tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị), như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

- Tại Khoản 2, Điều 19, Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị, quy định: *“Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng các văn bản về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại, chất lượng hằng năm đối với các đối tượng: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, những người hưởng lương từ ngân sách nhà nước ...”*.

- Khoản 1, mục III Hướng dẫn số 21-HD/BTCTW ngày 18/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương quy định các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương: *“... Chỉ đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội ... thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức, cơ quan, đơn vị, công chức, viên chức hằng năm để đảm bảo đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên, tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý thực chất”*.

- Khoản 3, Điều 15 Quy định số 21-QĐ/TU ngày 26/11/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp quy định: “3. *Đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của chính quyền, chuyên môn, đoàn thể trước, tổ chức đảng sau; tập thể cấp dưới trước, cấp trên sau...*”.

Hiện nay, Chính phủ và tỉnh chưa có quy định cụ thể về việc đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động hằng năm đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Tuy nhiên một số tỉnh, như: Lào Cai, Sơn La, Thanh Hóa, Hòa Bình, Quảng Trị... cũng đã thực hiện ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động hằng năm đối với cơ quan, tổ chức thuộc tỉnh.

Từ những lý do trên, việc ban hành quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động hằng năm đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ THẢO

1. Mục đích

Ban hành quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát huy những ưu điểm, kịp thời đề ra giải pháp khắc phục hạn chế; đồng thời, làm cơ sở để cơ quan nhà nước cấp trên quản lý nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Quan điểm chỉ đạo

Đảm bảo tính thống nhất, liên thông, đa chiều phù hợp với Hiến pháp, các văn bản pháp luật hiện hành và quy định của các cấp ủy đảng. Quá trình thực hiện tiếp tục hoàn thiện nội dung, tiêu chí đánh giá đảm bảo chính xác hiệu quả hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO

Ngày 17/6/2019, Sở Nội vụ đã ban hành Quyết định số 57/QĐ-SNV thành lập Tổ soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật năm 2019. Quá trình soạn thảo đã tổ chức nghiên cứu các chủ trương, đường lối của Đảng, các quy định của pháp luật hiện hành tại: Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị; Hướng dẫn số 21-HD/BTCTW ngày 18/10/2019 kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Quy định số

21-QĐi/TU ngày 26/11/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp... và tham khảo quy định của một số tỉnh đã ban hành như: Lào Cai, Sơn La, Thanh Hóa, Hòa Bình, Quảng Trị... Đồng thời, nghiên cứu thực tiễn quá trình tổ chức và hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị để xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, sau khi hoàn thành, ngày 09/9/2019, Sở Nội vụ gửi dự thảo Quyết định lấy ý kiến tham gia của 47 cơ quan, tổ chức, đơn vị, gồm: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, 20 cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; 13 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; 06 hội được giao số lượng người làm việc; 07 Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, đồng thời đăng tải dự thảo Quyết định trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Đến ngày 10/10/2019, Sở Nội vụ đã nhận được văn bản tham gia của 19/47 cơ quan, tổ chức, đơn vị; 28 cơ quan, tổ chức, đơn vị không gửi ý kiến tham gia; Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử không nhận được ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân từ hệ thống tiếp nhận thông tin. Kết quả: 13/19 cơ quan, tổ chức, đơn vị nhất trí về sự cần thiết ban hành và nội dung dự thảo Quyết định; 06/19 cơ quan, tổ chức, đơn vị có ý kiến tham gia khác nhau về các nội dung: Căn cứ ban hành, phương pháp xác định, phương pháp đánh giá, cách tính điểm, các ý kiến tham gia của một số cơ quan, đơn vị, Sở Nội vụ đã nghiên cứu, phân tích, tiếp thu có chọn lọc để chỉnh lý dự thảo Quyết định.

Ngày 15/11/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức họp chuyên đề để xem xét, cho ý kiến về dự thảo. Sở Nội vụ đã tiếp thu các ý kiến tham gia tại cuộc họp theo kết luận của đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉnh lý dự thảo Quyết định.

Ngày .../11/2019, Sở Nội vụ gửi hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định theo quy định, đồng thời tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (tại Báo cáo số .../BC-STP ngày .../.../2019) để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Quyết định và hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO

1. Bố cục

Dự thảo Quy định ban hành kèm theo Quyết định gồm 03 chương, 12 điều, cụ thể như sau:

1.1. Chương I: Những quy định chung gồm 06 điều, quy định về: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; mục đích, nguyên tắc, căn cứ, thời điểm đánh giá xếp loại; thông báo công khai kết quả xếp loại.

1.2. Chương II: Nội dung, thẩm quyền đánh giá, xếp loại gồm 03 điều quy định: Phương pháp, khung tiêu chí đánh giá, xếp loại; xếp loại đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền đánh giá, xếp loại.

1.3. Chương III. Tổ chức thực hiện gồm 03 điều quy định: trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Dự thảo quy định việc đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện hằng năm.

2.2. Việc đánh giá chất lượng hằng năm đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện bằng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 đối với các tiêu chí, gồm:

- Các tiêu chí về xây dựng cơ quan, tổ chức, đơn vị; điểm tối đa 40 điểm
- Các tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm; điểm tối đa 50 điểm.
- Tiêu chí về kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra; điểm tối đa 10 điểm.

2.3. Quy định khung tiêu chí đánh giá cơ quan, tổ chức, đơn vị và giao Sở Nội vụ căn cứ khung tiêu chí đánh giá để hướng dẫn các tiêu chí cụ thể.

2.4. Về xếp loại chất lượng hằng năm:

a) Quy định Ủy ban nhân dân các cơ quan, tổ chức, đơn vị được xếp loại theo 4 mức chất lượng: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ; không hoàn thành nhiệm vụ.

Tỷ lệ số cơ quan, tổ chức, đơn vị xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” trong năm không vượt quá 20% số cơ quan, tổ chức, đơn vị theo từng nhóm có chức năng, nhiệm vụ tương đồng.

b) Điểm và điều kiện xếp loại các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo tổng số điểm đạt được và các điều kiện khác:

- Về tổng số điểm của các tiêu chí: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt từ 90 điểm; Hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 75 điểm trở lên; Hoàn thành nhiệm vụ đạt từ 50 điểm trở lên; Không hoàn thành nhiệm vụ đạt dưới 50 điểm.

- Điều kiện xếp loại: Tương ứng với mỗi mức xếp loại có quy định cụ thể điều kiện xếp loại.

2.5. Thẩm quyền và tổ chức xếp loại

- Về thẩm quyền xếp loại: Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xếp loại chất lượng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Về tổ chức xếp loại: Việc quyết định xếp loại được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu kín trên cơ sở đề nghị của Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Quyết định; Báo cáo thẩm định, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; bản chụp các kiến góp ý)./.

Nơi nhận:

- Như trên (để trình);
- Văn phòng UBND tỉnh (phối hợp để trình);
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc, các PGĐ sở;
- Lưu: VT, TCBC.

GIÁM ĐỐC

Nông Thị Bích Huệ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc; Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYỀN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị; Hướng dẫn số 21-HD/BTCTW ngày 18/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Quyết định số ...-QĐ/TU ngày .../.../2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang quy định về việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số .../TTr-SNV ngày... tháng... năm 2019 trình dự thảo Quyết định ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc; Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2019.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc; Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh Tuyên Quang và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ TP;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các ban Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy;
- Phòng Tin học - Công báo, VP. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh truyền hình tỉnh;
- Như Điều 3 (thi hành);
- Lưu: VT, NC.

(báo cáo)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Minh Huân



Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019

QUY ĐỊNH

Đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc; Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND ngày /11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định tiêu chí, trình tự, thẩm quyền đánh giá và xếp loại chất lượng hằng năm đối với cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc; Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh Tuyên Quang (*sau đây gọi tắt là cơ quan, tổ chức, đơn vị*).

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tuyên Quang.
- b) Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
- c) Các tổ chức Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc có người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu là cán bộ, công chức, viên chức.
- d) Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh Tuyên Quang.
- đ) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đánh giá, xếp loại.

Điều 2. Mục đích đánh giá, xếp loại

1. Đánh giá đúng mức độ, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao và các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao; giúp các cơ quan, tổ chức, đơn vị đề ra các giải pháp phát huy những mặt tích cực, đồng thời khắc phục hạn chế, khuyết điểm trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý hành chính Nhà nước.

2. Nâng cao hiệu quả công tác, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Là căn cứ để đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của công chức, viên chức là lãnh đạo, quản lý các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại

1. Đúng chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Việc đánh giá, xếp loại phải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị và những nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; đoàn kết, thống nhất, liên tục, đa chiều; trung thực, khách quan, toàn diện; công khai, minh bạch; đúng thẩm quyền.

3. Đối với những nhiệm vụ không thực hiện được do cấp có thẩm quyền thay đổi, tạm dừng hoặc chưa có hướng dẫn thực hiện thì không đánh giá chất lượng; những nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng không đảm bảo tiến độ được cấp có thẩm quyền giao vì lý do khách quan thì không đánh giá chậm tiến độ hoặc trừ điểm.

4. Đánh giá xếp loại là việc làm thường xuyên hằng năm, nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Trong quá trình đánh giá, xếp loại các tiêu chí đánh giá được điều chỉnh, bổ sung theo đúng quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Điều 4. Căn cứ đánh giá, xếp loại

1. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Việc xây dựng, thực hiện quy chế làm việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

3. Chương trình, kế hoạch công tác, các chỉ tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt hằng năm.

4. Kết quả đánh giá, xếp loại của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc theo phân cấp quản lý (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị thuộc và trực thuộc); kết quả đánh giá, xếp loại của công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo phân cấp (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị không có đơn vị trực thuộc).

5. Kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra.

6. Thực hiện nhiệm vụ đột phá, đổi mới, sáng tạo trong năm.

Điều 5. Thời điểm đánh giá, xếp loại.

Thời điểm đánh giá, xếp loại thực hiện trong tháng 12 và hoàn thành trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

Điều 6. Thông báo, công khai kết quả xếp loại

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả xếp loại của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải công khai kết quả xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị tại trụ sở làm việc.

Chương II NỘI DUNG, THẨM QUYỀN ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

Điều 7. Phương pháp, nhóm cơ quan, khung tiêu chí đánh giá

1. Việc đánh giá được thực hiện bằng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 đối với các tiêu chí:

- a) Các tiêu chí về xây dựng cơ quan, tổ chức, đơn vị; điểm tối đa 40 điểm
- b) Các tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm; điểm tối đa 50 điểm.
- c) Kết quả khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra; điểm tối đa 10 điểm.

2. Nhóm cơ quan, khung tiêu chí đánh giá:

a) Nhóm các cơ quan chuyên môn, cơ quan lý nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá theo Phụ lục số 01 (Khung tiêu chí đánh giá chất lượng đối với cơ quan chuyên môn, cơ quan lý nhà nước kèm theo Quy định).

b) Nhóm các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh Tuyên Quang đánh giá theo Phụ lục số 02 (Khung tiêu chí đánh giá chất lượng đối với đơn vị sự nghiệp công lập kèm theo Quy định).

c) Nhóm các tổ chức hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc đánh giá theo Phụ lục số 03 (Khung tiêu chí đánh giá chất lượng đối với tổ chức hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc kèm theo Quy định).

Điều 8. Xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được xếp loại theo 4 mức.

- a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

c) Hoàn thành nhiệm vụ.

d) Không hoàn thành nhiệm vụ.

2. Điểm và điều kiện xếp loại các mức chất lượng

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Là cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhiều thành tích nổi bật, có đột phá, đổi mới, sáng tạo khẳng định vị thế, vai trò hàng đầu, điển hình để các đơn vị khác học tập, noi theo; đạt từ 90 điểm trở lên và có đủ điều kiện: Tập thể lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc theo phân cấp quản lý không vi phạm quy chế tập trung dân chủ, tham ô, tham nhũng hoặc các vi phạm khác bị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm đạt từ 45 điểm trở lên; tiêu chí về kết quả khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra đạt từ 7 điểm trở lên; 100% các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc theo phân cấp quản lý (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị thuộc và trực thuộc) được xếp loại chất lượng “Hoàn thành nhiệm vụ” trở lên, trong đó có 80% được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên; có 100% công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền theo phân cấp quản lý (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị không có đơn vị thuộc và trực thuộc) được xếp loại “Hoàn thành nhiệm vụ” hoặc “Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực” trở lên theo quy định hiện hành, trong đó 80% trở lên công chức, viên chức được phân loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

Số cơ quan, tổ chức, đơn vị xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” trong năm của mỗi nhóm theo quy định tại khoản 2 Điều 7 không vượt quá 20% số cơ quan, tổ chức, đơn vị được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” ở mỗi nhóm. Trường hợp trong một nhóm có trên 20% cơ quan hoặc tổ chức hoặc đơn vị đạt mức “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” thì Hội đồng thẩm định lựa chọn cơ quan, tổ chức, đơn vị có tổng số điểm cao hơn đến hết chỉ tiêu. Trường hợp ở chỉ tiêu cuối cùng có từ 02 cơ quan, đơn vị trở lên có tổng số điểm bằng nhau thì Hội đồng thẩm định tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem quyết định.

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ 75 điểm trở lên và có đủ điều kiện: Tập thể lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc theo phân cấp quản lý không vi phạm quy chế tập trung dân chủ, tham ô, tham nhũng hoặc các vi phạm khác bị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; các tiêu chí về xây dựng cơ quan, tổ chức, đơn vị đạt từ 28 điểm trở lên; các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm đạt từ 35 điểm trở lên; tiêu chí về kết quả khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra đạt từ 5 điểm trở lên; 100% các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc theo phân cấp quản lý (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị thuộc và trực thuộc) được xếp loại chất lượng “Hoàn thành nhiệm vụ” trở lên, trong đó có 50% được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên; có 100% công chức, viên chức, người lao

động thuộc thẩm quyền theo phân cấp quản lý (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị không có đơn vị thuộc và trực thuộc) được phân loại “Hoàn thành nhiệm vụ” hoặc “Hoàn thành nhiệm vụ nhưng còn hạn chế về năng lực” theo quy định hiện hành trở lên, trong đó 50% trở lên công chức, viên chức được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên.

c) Hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ 50 điểm trở lên và có đủ điều kiện: Tập thể lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc theo phân cấp quản lý không vi phạm quy chế tập trung dân chủ, tham ô, tham nhũng hoặc các vi phạm khác bị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; các tiêu chí về xây dựng cơ quan, tổ chức, đơn vị đạt từ 20 điểm trở lên; các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm đạt từ 25 điểm trở lên; tiêu chí về kết quả khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra đạt từ 5 điểm trở lên.

d) Không hoàn thành nhiệm vụ: Đạt dưới 50 điểm hoặc thuộc một trong các trường hợp sau: Tập thể lãnh đạo cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc theo phân cấp quản lý vi phạm quy chế tập trung dân chủ, tham ô, tham nhũng hoặc các vi phạm khác bị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước; cơ quan, đơn vị, tổ chức không tự đánh giá xếp loại và báo cáo kết quả, tài liệu tự đánh giá, xếp loại với Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định; hoàn thành dưới 50% chỉ tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt; các tiêu chí về xây dựng cơ quan, tổ chức, đơn vị đạt dưới 20 điểm hoặc các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm đạt dưới 25 điểm hoặc tiêu chí về kết quả khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra đạt dưới 5 điểm; có từ 20% cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc theo phân cấp quản lý (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị thuộc và trực thuộc) xếp loại chất lượng “Không hoàn thành nhiệm vụ” trở lên hoặc có từ 20% công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền theo phân cấp quản lý (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị không có đơn vị thuộc và trực thuộc) phân loại “Không hoàn thành nhiệm vụ” trở lên.

Điều 9. Thẩm quyền đánh giá, xếp loại

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức xếp loại chất lượng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Hội đồng thẩm định.

a) Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng thẩm định là Giám đốc Sở Nội vụ
- Các Ủy viên khác là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Người đứng đầu một số cơ quan, tổ chức có liên quan. Trường hợp khuyết Người đứng đầu thì người được giao quyền hoặc được giao phụ trách cơ quan tham gia Ủy viên Hội đồng.

b) Hội đồng thẩm định làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Thẩm định kết quả tự chấm điểm và xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị; bỏ phiếu thông qua kết quả xếp loại.

- Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị hằng năm.

- Được thành lập các bộ phận giúp việc nếu xét thấy cần thiết.

- Hội đồng thẩm định hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm; thành viên Hội đồng thẩm định thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

3. Tổ chức xếp loại, đánh giá

a) Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức họp, quyết định xếp loại cơ quan, tổ chức, đơn vị bằng hình thức bỏ phiếu kín.

b) Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được Ủy ban nhân dân tỉnh xếp loại chất lượng hằng năm, sau đó phát hiện có vi phạm thì Ủy ban nhân dân tỉnh hủy bỏ kết quả xếp loại và xếp loại lại.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cụ thể hóa tiêu chí đánh giá, xếp loại đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị theo khung tiêu chí quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều này 7 Quy định này và xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí cụ thể; hướng dẫn tài liệu, biểu mẫu đánh giá, xếp loại phù hợp.

2. Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định theo quy định.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp kết quả tự đánh giá, xếp loại và chuẩn bị tài liệu, hồ sơ đánh giá, xếp loại phục vụ Hội đồng thẩm định.

4. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thẩm định, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về các nhiệm vụ đột phá, đổi mới, sáng tạo trong năm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

5. Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị các điều kiện cần thiết phục vụ Hội đồng thẩm định đánh giá xếp loại làm việc.

6. Theo dõi, kiểm tra việc đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị theo Quy định này.

Điều 11. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tổng hợp, gửi Sở Nội vụ kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao các cơ quan, tổ chức, đơn vị.
2. Thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ và phân công của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.
3. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết phục vụ Hội đồng thẩm định đánh giá xếp loại làm việc.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Hằng năm, các cơ quan, tổ chức, đơn vị đăng ký các nhiệm vụ đột phá, đổi mới, sáng tạo trong năm với Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) chậm nhất trong quý I. Trường hợp không đăng ký nhiệm vụ đổi mới, sáng tạo trong năm thì không xem xét xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.
2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện tự chấm điểm, đề xuất mức xếp loại chất lượng của cơ quan, tổ chức, đơn vị hoàn thành trước ngày 20/12 của năm; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) kết quả tự chấm điểm, mức xếp loại, kèm báo cáo kiểm điểm chất lượng hoạt động, các tài liệu kiểm chứng kết quả tự chấm điểm và xếp loại chất lượng hằng năm trong ngày 20/12 của năm. Việc đánh giá, xếp loại cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện đồng thời với đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức và đánh giá xếp loại tập thể lãnh đạo quản lý cơ quan, tổ chức, đơn vị.
3. Phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu với Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại chấm điểm các tiêu chí đánh giá chất lượng hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ và phân công của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.
4. Ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Minh Huấn

PHỤ LỤC SỐ 01

KHUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG

ĐỐI VỚI CƠ QUAN CHUYÊN MÔN, CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quy định kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Tiêu chí	Thang điểm tối đa
1	2	3
TỔNG ĐIỂM (I+II+III)		100
I	CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC	40
1	Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình	5
2	Việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế làm việc của cơ quan, tổ chức	5
3	Mối quan hệ phối hợp công tác với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan	5
4	Xây dựng đoàn kết nội bộ cơ quan, tổ chức	5
5	Trách nhiệm của tập thể lãnh đạo cơ quan, tổ chức trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ chính trị; xây dựng cơ quan, đơn vị "trong sạch, vững mạnh"	20
II	CÁC TIÊU CHÍ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TRONG NĂM	50
1	Việc cụ thể hóa, xây dựng chương trình, kế hoạch công tác năm để thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao phù hợp với tình hình thực tiễn ở cơ quan, tổ chức	10
2	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm	10
3	Kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao	10
4	Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ	5
5	Kết quả tham mưu với UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo và ban hành văn bản theo thẩm quyền hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của cơ quan, tổ chức	5
6	Kết quả chấp hành chế độ báo cáo định hàng tháng, quý, 6 tháng, năm theo quy định của UBND tỉnh và ngành dọc cấp trên	5
7	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trực thuộc	5
III	TIÊU CHÍ KHÁC PHỤC NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM ĐÃ ĐƯỢC CHỈ RA	10

PHỤ LỤC SỐ 02

KHUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

(Kèm theo Quy định kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Tiêu chí	Thang điểm tối đa
1	2	3
TỔNG ĐIỂM (I+II+III)		100
I	CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG ĐƠN VỊ	40
1	Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình	5
2	Việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế làm việc của đơn vị	5
3	Mối quan hệ phối hợp công tác với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan	5
4	Xây dựng đoàn kết nội bộ đơn vị	5
5	Trách nhiệm của tập thể lãnh đạo đơn vị trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ chính trị; xây dựng đơn vị "trong sạch, vững mạnh"	20
II	CÁC TIÊU CHÍ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TRONG NĂM	50
1	Việc cụ thể hóa, xây dựng chương trình, kế hoạch công tác năm để thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao phù hợp với tình hình thực tiễn ở đơn vị	10
2	Kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm	10
3	Kết quả thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao	10
4	Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ	5
5	Tổ chức thực hiện các đề tài, dự án khoa học công nghệ cấp tỉnh trở lên; các dự án đầu tư sản xuất, cung ứng dịch vụ	5
6	Kết quả chấp hành chế độ thông tin báo cáo theo quy định của UBND hàng tháng, quý, 6 tháng, năm	5
7	Kết quả hoàn thành nhiệm vụ của các tổ chức, đơn vị; công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp	5
III	TIÊU CHÍ KHẮC PHỤC NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM ĐÃ ĐƯỢC CHỈ RA	10

PHỤ LỤC SỐ 03
KHUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
ĐỐI VỚI TỔ CHỨC HỘI CẤP TỈNH ĐƯỢC GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

(Kèm theo Quy định kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	Tiêu chí	Thang điểm tối đa
1	2	3
TỔNG ĐIỂM (I+II+III)		100
I	CÁC TIÊU CHÍ XÂY DỰNG TỔ CHỨC HỘI	40
1	Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình	5
2	Việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế làm việc của tổ chức hội	5
3	Mối quan hệ phối hợp công tác với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan	5
4	Xây dựng đoàn kết nội bộ tổ chức hội	5
5	Trách nhiệm của tập thể lãnh đạo tổ chức hội trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ chính trị; xây dựng đơn vị "trong sạch, vững mạnh"	20
II	CÁC TIÊU CHÍ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TRONG NĂM	50
1	Việc cụ thể hóa, xây dựng chương trình, kế hoạch công tác năm để thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao phù hợp với tình hình thực tiễn của tổ chức hội	10
2	Kết quả thực hiện các văn bản pháp luật, quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Điều lệ hội, phương hướng phát triển về lĩnh vực hoạt động hội	10
3	Kết quả tổ chức thực hiện các phong trào, các cuộc vận động, các hoạt động do Trung ương Hội và tổ chức cấp trên phát động hằng năm, thực hiện công tác vận động các cá nhân, tổ chức tham gia các phong trào đảm bảo tôn chỉ, mục đích của Hội	10
4	Thực hiện việc tự nguyện, tự quản, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng công khai, minh bạch trong tổ chức hội.	5
5	Kết quả thực hiện việc đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của cán bộ, hội viên, thành viên, tình nguyện viên của hội	5
6	Kết quả chấp hành chế độ thông tin báo cáo theo quy định của UBND hàng tháng, quý, 6 tháng, năm	5
7	Kết quả hoàn thành nhiệm vụ của công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp	5
III	TIÊU CHÍ KHẮC PHỤC NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM ĐÃ ĐƯỢC CHỈ RA	10

BIỂU TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, CHỈNH SỬA VÀ GIẢI TRÌNH

Tham gia vào dự thảo Quyết Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc; Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh Tuyên Quang
(Kèm theo Văn bản số 818/SNV-TCBC ngày 18//2018 của Sở Nội vụ)

Có 19 cơ quan, đơn vị có văn bản tham gia ý kiến, trong đó:

I. Có 13 cơ quan, đơn vị nhất trí với dự thảo Quyết định, gồm:Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở khoa học và Công nghệ, Thanh tra tỉnh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị; Hội Văn học Nghệ thuật; Liên minh hợp tác xã; Ủy ban nhân dân huyện Na Hang, Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang.

II. Có 06 cơ quan, đơn vị có ý kiến tham gia vào dự thảo Quyết định, gồm:Sở Tư pháp, Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Ngoại vụ, Sở Công thương, Hội Nhà báo. Các ý kiến tham gia cụ thể như sau:

TT	Ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị	Ý kiến của Sở Nội vụ		
		Tiếp thu (x)	Không tiếp thu (x)	Lý do bảo lưu ý kiến
I	Ý kiến tham gia của Sở Tư pháp			
1	<i>Căn cứ ban hành</i>			
1.1	Khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “ <i>Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành. Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức</i>	x		Sở Nội vụ đã tiếp thu rà soát và loại bỏ những căn cứ ban hành không điều chỉnh trực tiếp nội dung của dự thảo quyết định

TT	Ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị	Ý kiến của Sở Nội vụ		
		Tiếp thu (x)	Không tiếp thu (x)	Lý do bảo lưu ý kiến
	<u>năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản</u> ". Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, loại bỏ các căn cứ ban hành không điều chỉnh trực tiếp nội dung của dự thảo quyết định.			
1.2	Căn cứ ban hành thứ 11 dự thảo Quyết định quy định " <i>Thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 của Ban Chấp hành Trung ương...</i> ", đề nghị sửa thành " <i>Thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 của Bộ Chính trị...</i> ".	x		Sở Nội vụ đã tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo văn bản
2	Dự thảo Quy định			
2.1	Đề nghị bỏ Điều 3 (<i>Nguyên tắc đánh giá, xếp loại</i>), Điều 4 (<i>Căn cứ đánh giá, xếp loại</i>) vì đã được quy định tại Điều 3, Điều 4 của Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị (<i>sau đây viết tắt là Quy định số 132-QĐ/TW</i>).		x	Điều 3, Điều 4 của Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị, quy định nguyên tắc đánh giá, xếp loại và căn cứ đánh giá chung cho cá nhân và tập thể. Tuy nhiên, quy định này chỉ quy định đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị do đó ngoài những quy định chung còn quy phải định cụ thể một số nguyên tắc và căn cứ đánh giá, xếp loại cụ thể

TT	Ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị	Ý kiến của Sở Nội vụ		
		Tiếp thu (x)	Không tiếp thu (x)	Lý do bảo lưu ý kiến
2.2	Điều 5 (Thời điểm đánh giá, xếp loại), đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bổ sung quy định về mốc thời gian đánh giá, xếp loại được tính từ thời điểm nào đến thời điểm nào, đây là nội dung rất quan trọng liên quan đến việc đánh giá, phân loại (<i>các chỉ tiêu kế hoạch, chương trình kế hoạch công tác, các vi phạm bị trừ điểm hoặc là cơ sở chính để đánh giá, phân loại...</i>).		x	Quy định đánh giá, xếp loại cơ quan, đơn vị trong năm do đó thời điểm đánh giá, xếp là những nhiệm vụ được giao trong năm
2.3	Điều 6 (Cách thức, phương pháp đánh giá, xếp loại), Điều 7 (Xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị)			
2.4	Điều 6, Điều 7 dự thảo Quy định việc đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện bằng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 đối với các tiêu chí thành phần, trong đó Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt từ 90 điểm trở lên và một số điều kiện kèm theo, Hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 75 điểm đến dưới 90 điểm... Khoản 1 Điều 11, Điều 12 của Quy định số 132-QĐ/TW quy định: “ Điều 11. Phương pháp, quy trình, đánh giá, xếp loại 1- Căn cứ các tiêu chí đánh giá, tiêu chuẩn chất lượng được quy định cụ thể cho mỗi đối tượng, từng tập thể, cá nhân và các chủ thể tham gia đánh giá xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí theo 4 cấp độ (Xuất sắc, Tốt, Trung bình, Kém), đề nghị mức xếp loại chất lượng, làm cơ sở để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định nhận xét, đánh giá và xếp loại chất lượng đối với mỗi tập thể, cá nhân. Điều 12. Xếp loại chất lượng Xếp loại chất lượng theo 4 mức sau: 1- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Là các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích nổi bật; khẳng định vị thế, vai trò hàng đầu, điển hình để các tập thể, cá nhân khác học tập, noi theo; <u>các tiêu chí đánh giá đều đạt "Tốt" trở lên, trong đó những tiêu chí về kết quả</u>	x		Tại Quyết định này chỉ Quy định khung tiêu chí đánh giá cơ quan, tổ chức, đơn vị và giao Sở Nội vụ căn cứ khung tiêu chí đánh giá để hướng dẫn các tiêu chí cụ thể, Sở Nội vụ sẽ tiếp thu chỉnh sửa tại hướng dẫn của Sở Nội vụ

TT	Ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị	Ý kiến của Sở Nội vụ		
		Tiếp thu (x)	Không tiếp thu (x)	Lý do bảo lưu ý kiến
	thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm (đối với tập thể), kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong năm (đối với cá nhân) đều được đánh giá đạt "Xuất sắc" với các sản phẩm cụ thể lượng hóa được (nếu có). Đối với tập thể: Không có đơn vị trực thuộc nào (đối với tổ chức, cơ quan, đơn vị) hoặc thành viên nào của tập thể lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật. Cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định để số lượng tập thể, cá nhân được xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" không vượt quá 20% số được xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" theo từng nhóm đối tượng có vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ tương đồng. 2- Hoàn thành tốt nhiệm vụ Là các tập thể, cá nhân mà các tiêu chí đều được đánh giá đạt "Trung bình" trở lên, trong đó những tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm (đối với tập thể), kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao trong năm (đối với cá nhân) đều được đánh giá đạt "Tốt" trở lên. Đối với tập thể: Không có đơn vị trực thuộc nào (đối với tổ chức, cơ quan, đơn vị) hoặc thành viên của tập thể lãnh đạo, quản lý đó bị kỷ luật (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả). 3- Hoàn thành nhiệm vụ Là các tập thể, cá nhân mà các tiêu chí cơ bản được đánh giá đạt "Trung bình" trở lên.... 4- Không hoàn thành nhiệm vụ...". Căn cứ Quy định số 132-QĐ/TW thì Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW ngày 24/9/2018 của Ban Tổ chức Trung ương và Quy định số 21-QĐi/TU ngày 16/11/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang đều quy định căn cứ các tiêu chí đánh giá, tiêu chuẩn chất lượng được quy định cụ thể cho mỗi đối tượng, từng tập thể, cá nhân và các chủ thể tham gia đánh giá xác định mức			

TT	Ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị	Ý kiến của Sở Nội vụ		
		Tiếp thu (x)	Không tiếp thu (x)	Lý do bảo lưu ý kiến
	độ đạt được của từng tiêu chí theo 4 cấp độ: Xuất sắc, Tốt, Trung bình, Kém. Tuy nhiên, dự thảo Quy định không quy định việc đánh giá mức độ đạt được từng tiêu chí theo 04 cấp độ Xuất sắc, Tốt, Trung bình, Kém mà kết cấu điểm chấm từng tiêu chí là chưa phù hợp với Quy định số 132-QĐ/TW, Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW và Quy định số 21-QĐi/TU.			
2.5	Điều 6, khoản 2 dự thảo Quy định quy định “ <i>Đối với những nhiệm vụ thực hiện không theo kế hoạch do cấp có thẩm quyền thay đổi, tạm dừng hoặc chưa có hướng dẫn để thực hiện thì đưa ra khỏi kế hoạch năm và không đánh giá chất lượng</i> ” là chưa rõ ràng, vì những nhiệm vụ không theo kế hoạch có thể hiểu là các nhiệm vụ đột xuất, cấp trên giao, vì vậy sẽ không đánh giá theo tiêu chí thực hiện chương trình, kế hoạch mà sẽ đánh giá theo các nhiệm vụ tình giao.	x		Sở Nội vụ đã tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo văn bản
2.6	Điều 7, khoản 1 quy định: “1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được xếp loại theo 4 loại: a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Đạt từ 90 điểm trở lên và có đủ điều kiện: Hoàn thành 100% nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch công tác hằng năm vượt tiến độ, chất lượng và hiệu quả; tiêu chí chấm điểm thực hiện nhiệm vụ sáng tạo, đổi mới đạt điểm tối đa; cơ quan, tổ chức, đơn vị không có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật; không có đơn vị trực thuộc (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc) không hoàn thành nhiệm vụ. b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ 75 điểm đến dưới 90 điểm và có đủ điều kiện: Hoàn thành 100% nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; cơ quan, tổ chức, đơn vị không có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật; không có đơn vị trực thuộc (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc) không hoàn thành nhiệm vụ.	x		- Nội dung góp ý về quy định điều kiện xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị hằng năm, Sở Nội vụ đã tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo văn bản - Nội dung góp ý các tiêu chí quy định tại phụ lục 01, 02, 03 chưa gắn với tiêu chí thang điểm: Tại Quyết định này của UBND tỉnh chỉ Quy định khung tiêu chí đánh giá cơ quan, tổ chức, đơn vị và giao Sở Nội vụ căn cứ khung tiêu chí đánh giá để hướng dẫn các

TT	Ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị	Ý kiến của Sở Nội vụ		
		Tiếp thu (x)	Không tiếp thu (x)	Lý do bảo lưu ý kiến
	c) Hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ 50 điểm đến dưới 75 điểm và có đủ điều kiện: cơ quan, tổ chức, đơn vị không có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật; không có đơn vị trực thuộc (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc) không hoàn thành nhiệm vụ. d) Không hoàn thành nhiệm vụ: Đạt dưới 50% điểm hoặc thuộc một trong các trường hợp sau: Đơn vị trực thuộc (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc) xảy ra các vụ, việc tham ô, tham nhũng và các vi phạm khác bị xử lý theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả); cơ quan, tổ chức, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật; có trên 20% số đơn vị trực thuộc (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc) không hoàn thành nhiệm vụ”. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa một số nội dung sau: - Nếu theo quy định trên, các đơn vị đạt 90 điểm trở lên nhưng lại thuộc một trong các trường hợp: (1) Không hoàn thành 100% nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch công tác hằng năm vượt tiến độ, chất lượng và hiệu quả; (2) Có dưới 20% đơn vị trực thuộc (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc) không hoàn thành nhiệm vụ thì chưa có quy định là xếp loại nào trong 04 mức tại các điểm a, b, c, d khoản này. Các đơn vị đạt từ 75 điểm đến dưới 90 điểm nhưng lại thuộc một trong các trường hợp: (1) Không hoàn thành 100% nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; (2) Có dưới 20% đơn vị trực thuộc (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc) không hoàn thành nhiệm vụ cũng chưa được xếp loại. Tương tự như điểm a và b, đối với các trường hợp tại điểm c hoặc đ, không đạt đủ số điểm hoặc không thuộc các trường hợp liệt kê tại điểm c và đ cũng chưa quy định việc xếp loại.			tiêu chí cụ thể, Sở Nội vụ sẽ tiếp thu chỉnh sửa tại hướng dẫn của Sở Nội vụ

TT	Ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị	Ý kiến của Sở Nội vụ		
		Tiếp thu (x)	Không tiếp thu (x)	Lý do bảo lưu ý kiến
	- Điểm a, b, c chưa loại trừ trường hợp “Đơn vị trực thuộc (đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị có đơn vị trực thuộc) xảy ra các vụ, việc tham ô, tham nhũng và các vi phạm khác bị xử lý theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước”. - Điểm a quy định xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ chưa có yếu tố “tập thể có nhiều thành tích nổi bật; khẳng định vị thế, vai trò hàng đầu, điểm hình để các tập thể khác học tập, noi theo” là chưa đầy đủ theo khoản 1 Điều 12 Quy định số 132-QĐ/TW. - Phụ lục số 01, Phụ lục số 02, Phụ lục số 03 xây dựng tiêu chí, thang điểm, mức độ đạt được của từng tiêu chí tuy nhiên, việc xếp 04 loại tại khoản 1 Điều này chưa gắn với tiêu chí, thang điểm và mức đạt tại Phụ lục là chưa đảm bảo chặt chẽ.			
2.7	Điều 7, khoản 3 quy định: “Hằng năm, các cơ quan, tổ chức, đơn vị đăng ký các nhiệm vụ đổi mới, sáng tạo trong năm với Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) chậm nhất trong quý I. Trường hợp không đăng ký nhiệm vụ đổi mới, sáng tạo trong năm thì không xem xét xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”. Tuy nhiên, Quy định số 132-QĐ/TW không đặt tiêu chí nhiệm vụ đổi mới, sáng tạo trong năm khi đánh giá, xếp loại tập thể. Pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể về “nhiệm vụ đổi mới, sáng tạo”. Vì vậy, nếu quy định như trên thì Sở Nội vụ chỉ là cơ quan tổng hợp; cơ quan nào là cơ quan xác định nhiệm vụ đó là đổi mới, sáng tạo; việc kiểm soát, công nhận nhiệm vụ đổi mới, sáng tạo được thực hiện như thế nào cũng chưa rõ.		x	Tại Khoản 1, Điều 12, Quy định số 132-QĐ/TW có quy định đối với mức xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ “là tập thể, cá nhân có nhiều thành tích nổi bật; khẳng định vị thế, vai trò hàng đầu, điển hình để các tập thể, cá nhân khác học tập, noi theo” do đó cần có đột phá, đổi mới, sáng tạo thì mới là cơ quan, tổ chức đơn vị hàng đầu, điển hình để các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác học tập noi theo. Mặt

TT	Ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị	Ý kiến của Sở Nội vụ		
		Tiếp thu (x)	Không tiếp thu (x)	Lý do bảo lưu ý kiến
				khác tại Văn bản số 53/UBND-NC ngày 07/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giám sát, kiểm tra thực hiện việc đăng ký đột phá, đổi mới, trong đó có giao Sở Nội vụ giám sát, kiểm tra tiến độ, kết quả thực hiện việc đăng ký đột phá, đổi mới
2.8	Điều 7, khoản 4 quy định: “ <i>Trường hợp khi xếp loại cơ quan, tổ chức, đơn vị có số điểm và các điều kiện khác bằng nhau, xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định</i> ” là chưa chặt chẽ, hợp lý vì chỉ có phân loại cơ quan, tổ chức, đơn vị Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bị không chế tỷ lệ không quá 20% số đơn vị được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ. Như vậy, trong trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có số điểm và các điều kiện khác bằng nhau nhưng vẫn nằm trong tỷ lệ cho phép thì không yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định. Vì vậy, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa.	x		Sở Nội vụ đã tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo văn bản
2.9	Điều 8 (Thẩm quyền xếp loại và thông báo, công khai kết quả xếp loại), đề nghị bổ sung trách nhiệm, thời hạn thông báo, công khai kết quả xếp loại (<i>trong thời hạn ... ngày kể từ ngày UBND tỉnh ra quyết định xếp loại</i>).	x		Sở Nội vụ đã tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo văn bản
2.10	Điều 10 (Tự đánh giá, xếp loại), đề nghị bổ sung thời hạn các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải gửi kết quả tự chấm điểm về Sở Nội vụ tổng hợp; thời hạn Sở Nội vụ báo cáo UBND tỉnh.	x		Sở Nội vụ đã tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo văn bản
2.11	Điều 11 (Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại) Đề nghị quy định rõ số lượng thành viên của Hội đồng thẩm định kết quả	x		Sở Nội vụ đã tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo văn bản

TT	Ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị	Ý kiến của Sở Nội vụ		
		Tiếp thu (x)	Không tiếp thu (x)	Lý do bảo lưu ý kiến
	đánh giá, xếp loại, vì trường hợp “ <i>Mời đại diện lãnh đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh</i> ” thì cơ quan được mời có thể tham gia hoặc không tham gia, hơn nữa “ <i>lãnh đạo</i> ” có thể số lượng là một hoặc nhiều. Tương tự, đề nghị quy định số tượng Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định tại Điều 12 dự thảo Quy định này.			
2.12	Phụ lục số 01, Phụ lục số 02, Phụ lục số 03 - Đề nghị chỉnh sửa theo hướng Phụ lục ban hành kèm theo Quy định kèm theo Quyết định (<i>dự thảo văn bản đang quy định phụ lục ban hành kèm theo Quyết định</i>).	x		Sở Nội vụ đã tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo văn bản
	- Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp tục rà soát từng tiêu chí ban hành kèm theo từng phụ lục cho phù hợp với quy định tại Điều 10 Quy định số 132-QĐ/TW, vì có tiêu chí thuộc về “ <i>Tiêu chí xây dựng tổ chức, tập thể</i> ” theo điểm a khoản 1 Điều 10 Quy định số 132-QĐ/TW nhưng cơ quan soạn thảo lại quy định trong “ <i>Tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm</i> ” như: Mối quan hệ công tác, cải cách hành chính, ... Hoặc quy định thiếu tiêu chí công tác cán bộ, xây dựng tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu...	x		Sở Nội vụ đã tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo văn bản
	- Đối với tiêu chí về thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao đang tính điểm theo số nhiệm vụ được giao/ năm là không hợp lý, không công bằng giữa các cơ quan được giao ít nhiệm vụ, nhiều nhiệm vụ đột xuất, đề nghị chỉnh sửa theo hướng tính điểm theo tỷ lệ %/tổng số nhiệm vụ đột xuất được giao được thực hiện.	x		Sở Nội vụ đã tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo văn bản
	- 03 Phụ lục quy định tiêu chí, thang điểm đánh giá, mức độ thực hiện tiêu chí đánh giá đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa xét đến các trường hợp được miễn, giảm nhẹ trách nhiệm trong các trường hợp bất khả kháng, lý	x		Tại Quyết định này của UBND tỉnh chỉ Quy định khung tiêu chí đánh giá cơ

TT	Ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị	Ý kiến của Sở Nội vụ		
		Tiếp thu (x)	Không tiếp thu (x)	Lý do bảo lưu ý kiến
	do khách quan mà cơ quan, tổ chức, đơn vị không thể thực hiện được các chỉ tiêu theo chương trình, kế hoạch,...			quan, tổ chức, đơn vị và giao Sở Nội vụ căn cứ khung tiêu chí đánh giá để hướng dẫn các tiêu chí cụ thể, Sở Nội vụ sẽ tiếp thu chỉnh sửa tại hướng dẫn của Sở Nội vụ
2.13	Hiện nay, ngoài dự thảo Quyết định này, cơ quan soạn thảo đang dự thảo Quyết định ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang có nội dung nhiều nội dung tương tự như dự thảo Quyết định này. Vì vậy, đề nghị có sự rà soát, đối chiếu, so sánh để đảm bảo tính thống nhất của văn bản do cùng một cơ quan trình, ban hành trong cùng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.	x		Sở Nội vụ đã tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo văn bản
2.14	Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại dự thảo Quyết định để chỉnh sửa thể thức và kỹ thuật trình bày theo quy định tại Chương V (từ Điều 55 đến Điều 81) và Mẫu số 18 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.	x		Sở Nội vụ đã tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo văn bản
II	Ý kiến tham gia của Sở Y tế			
1	Mục II - Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm ghi “ <i>mức độ thực hiện tiêu chí hàng năm thực hiện 100 nhiệm vụ trở lên...</i> ” đề nghị sửa thành “ <i>Hàng năm thực hiện 100% nhiệm vụ trở lên</i> ”.	x		Tại Quyết định này của UBND tỉnh chỉ Quy định khung tiêu chí đánh giá cơ quan, tổ chức, đơn vị và giao Sở Nội vụ căn cứ khung tiêu chí đánh giá để hướng dẫn các

TT	Ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị	Ý kiến của Sở Nội vụ		
		Tiếp thu (x)	Không tiếp thu (x)	Lý do bảo lưu ý kiến
				tiêu chí cụ thể, Sở Nội vụ sẽ tiếp thu chỉnh sửa tại hướng dẫn của Sở Nội vụ
III	Ý kiến tham gia của Sở Giáo dục và Đào tạo			
1	Tại điểm a, khoản 1, Điều 7 Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với cơ quan chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức Hội được giao số lượng người làm việc thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang sửa lại là "... tiêu chí chấm điểm thực hiện nhiệm vụ đổi mới, sáng tạo đạt điểm tối đa..." cho phù hợp với quy định tại tiêu chí thành phần 7, thuộc tiêu chí II Phụ lục số 01.	x		Tại Quyết định này của UBND tỉnh chỉ Quy định khung tiêu chí đánh giá cơ quan, tổ chức, đơn vị và giao Sở Nội vụ căn cứ khung tiêu chí đánh giá để hướng dẫn các tiêu chí cụ thể, Sở Nội vụ sẽ tiếp thu chỉnh sửa tại hướng dẫn của Sở Nội vụ
2	Tại điểm d, khoản 1, Điều 7: Bỏ 01 cụm từ "bị kỷ luật" vì lặp lại.	x		Sở nội vụ đã tiếp thu chỉnh sửa vào văn bản
3	Tại cột các mức độ thực hiện tiêu chí, thang điểm của tiêu chí thành phần 3, 4 thuộc tiêu chí II Phụ lục số 01 cần thêm đơn vị "%" vào các quy định số nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh giao để đảm bảo đánh giá được chính xác.	x		Tại Quyết định này của UBND tỉnh chỉ Quy định khung tiêu chí đánh giá cơ quan, tổ chức, đơn vị và giao Sở Nội vụ căn cứ khung tiêu chí đánh giá để hướng dẫn các tiêu chí cụ thể, Sở Nội vụ sẽ tiếp thu chỉnh sửa tại hướng dẫn của Sở Nội vụ

TT	Ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị	Ý kiến của Sở Nội vụ		
		Tiếp thu (x)	Không tiếp thu (x)	Lý do bảo lưu ý kiến
4	Quy định lại mức độ cần đạt thang điểm 4 và 5 của mức độ thực hiện tiêu chí thành phần 10, thuộc tiêu chí II phụ lục số 01 vì yêu cầu cần đạt của hai tiêu chí chưa có sự phân hóa.	x		Tại Quyết định này của UBND tỉnh chỉ Quy định khung tiêu chí đánh giá cơ quan, tổ chức, đơn vị và giao Sở Nội vụ căn cứ khung tiêu chí đánh giá để hướng dẫn các tiêu chí cụ thể, Sở Nội vụ sẽ tiếp thu chỉnh sửa tại hướng dẫn của Sở Nội vụ
VI	Ý kiến tham gia của Sở Ngoại vụ			
1	Đề nghị bỏ cụm từ “bị kỷ luật” tại điểm d, Khoản 1, Điều 7 vì trùng 2 lần	x		Sở nội vụ đã tiếp thu chỉnh sửa vào văn bản
	Đề nghị bỏ cụm từ “Ủy ban nhân dân tỉnh” tại Khoản 3, Điều 7 vì trùng 2 lần	x		Sở nội vụ đã tiếp thu chỉnh sửa vào văn bản
	Đề nghị bổ sung “Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy” vào điểm c, khoản 2 điều 11		x	Tại dự thảo Quyết định rõ số thành viên của Hội đồng thẩm định từ 5 đến 7 người và quy định rõ thành phần do đó không bổ sung được thành phần như Sở Ngoại vụ đề nghị
V	Ý kiến tham gia của Sở Công thương			
	Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 8 như sau: “Tiến hành bình xét đơn vị xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, trên cơ sở các đơn vị xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ, bình xét không quá 20% đơn vị được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” để làm rõ cách tính số lượng đơn vị được	x		Sở Nội vụ đã tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo văn bản

TT	Ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị	Ý kiến của Sở Nội vụ		
		Tiếp thu (x)	Không tiếp thu (x)	Lý do bảo lưu ý kiến
	xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ			
VI	Ý kiến tham gia của Hội Nhà báo			
1	Về dự thảo tờ trình. Tại trang 2, dòng thứ 6 từ trên xuống có ghi; từ những “ <i>lý do</i> ” trên, việc ban hành quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động hằng năm đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết” nên sửa lại: Từ những “ <i>Cơ sở nêu</i> ” trên...		x	Dùng từ lý do đảm bảo theo quy định
2	Về dự thảo quy định ban hành kèm theo quyết định. Tại Điểm 2, Điều 7 “... <i>cùng cùng</i> ...” bỏ một chữ “ <i>cùng</i> ”	x		Sở Nội vụ đã tiếp thu và chỉnh sửa vào dự thảo văn bản
3	Phụ lục số 03 tại điểm 1, trang 1 nội dung đánh giá thứ 3: “Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình trong tổ chức và hoạt động của hội có nội dung còn hạn chế”. đề nghị bỏ từ “ <i>thực hiện</i> ”.		x	Tại Quyết định này của UBND tỉnh chỉ Quy định khung tiêu chí đánh giá cơ quan, tổ chức, đơn vị và giao Sở Nội vụ căn cứ khung tiêu chí đánh giá để hướng dẫn các tiêu chí cụ thể, Sở Nội vụ sẽ tiếp thu chỉnh sửa tại hướng dẫn của Sở Nội vụ

Số:  TT-SNV

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019

TỜ TRÌNH

Dự thảo Quyết định ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2019, Sở Nội vụ xin trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

Ngày 21/10/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND Quy định đánh giá, xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Qua 05 năm thực hiện, công tác đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã được thực hiện theo đúng thẩm quyền, quy trình, thủ tục theo quy định. Việc đánh giá, xếp loại kết quả hoạt động của chính quyền cấp xã ngày càng đi vào nề nếp, phản ánh đúng thực chất, sát với kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. Qua đánh giá, xếp loại chính quyền cấp xã giúp phát huy những mặt tích cực, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác chỉ đạo, điều hành, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở địa phương.

Tuy nhiên, ngày 19/5/2016 Quốc hội đã ban hành Luật Tổ chức chính quyền địa phương thay thế Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2013. Một số nội dung đánh giá chính quyền cấp xã tại Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND không còn phù hợp với quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Ngày 10/4/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành, trong đó có Quyết định số 19/2014/QĐ-UBND ngày 21/10/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định đánh giá, xếp loại chính quyền xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, hiện nay, chưa có quy định cụ thể về việc đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp huyện hằng năm. Trong khi đó:

- Tại Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị quy định: “3- *Đánh giá, xếp loại kết quả hoạt động của chính quyền địa phương, công tác chuyên môn, hoạt động đoàn thể trước, tổ chức đảng sau;*” (mục 3 Điều 11); “*Ban Cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng các văn bản về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại, chất lượng hằng năm đối với các đối tượng: Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan hành chính...*” (mục 2 Điều 19).

- Khoản 1, mục III Hướng dẫn số 21-HD/BTCTW ngày 18/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương quy định các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương: “... *Chỉ đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội ... thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức, cơ quan, đơn vị, công chức, viên chức hằng năm để đảm bảo đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên, tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý thực chất*”.

- Khoản 3, Điều 15 Quy định số 21-QĐi/TU ngày 26/11/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp quy định: “3. *Đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của chính quyền, chuyên môn, đoàn thể trước, tổ chức đảng sau; tập thể cấp dưới trước, cấp trên sau...*”.

Hiện nay, Chính phủ và tỉnh chưa có quy định cụ thể về việc đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động hằng năm đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện. Tuy nhiên một số tỉnh, như: Hòa Bình, Thừa Thiên Huế, Lai Châu, Sơn La, Đồng Nai, Đắk Nông... cũng đã ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động hằng năm đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Từ những lý do trên, việc ban hành quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG DỰ THẢO

1. Mục đích

Ban hành quy định đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) giúp chính quyền địa phương phát huy những ưu điểm, kịp thời đề ra giải pháp khắc phục hạn chế; đồng thời, làm cơ sở để cơ quan nhà nước cấp trên tăng cường quản lý nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

2. Quan điểm chỉ đạo

Đảm bảo tính thống nhất, liên thông, đa chiều phù hợp với Hiến pháp, các văn bản pháp luật hiện hành và quy định của các cấp ủy đảng. Quá trình thực hiện tiếp tục hoàn thiện nội dung, tiêu chí đánh giá đảm bảo chính xác hiệu quả hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO

Ngày 25/3/2019, Sở Nội vụ đã ban hành Quyết định số 33/QĐ-SNV thành lập Tổ soạn thảo các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tổ chức chính quyền năm 2019. Quá trình soạn thảo đã tổ chức nghiên cứu các chủ trương, đường lối của Đảng, các quy định của pháp luật hiện hành tại: Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị; Hướng dẫn số 21-HD/BTCTW ngày 18/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Quy định số 21-QĐi/TU ngày 26/11/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp ... và tham khảo quy định của một số tỉnh đã ban hành như: Hòa Bình, Thừa Thiên Huế, Lai Châu, Sơn La, Đồng Nai, Đắk Nông... Đồng thời, căn cứ kết quả theo dõi tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện quy định trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo đúng quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, sau khi hoàn thành, ngày 19/9/2019, Sở Nội vụ gửi dự thảo Quyết định lấy ý kiến tham gia của 28 cơ quan, đơn vị (Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, 19 cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; 07 Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (*trong đó đề nghị UBND cấp huyện lấy ý kiến, tổng hợp ý kiến của các xã, phường, thị trấn trên địa bàn*), đồng thời đăng tải dự thảo Quyết định trên Cổng thông tin điện tử tỉnh theo quy định. Hết thời hạn xin ý kiến, Sở Nội vụ đã nhận được văn bản tham gia của 19/28 cơ quan, đơn vị; 9 cơ quan, đơn vị không gửi ý kiến tham gia; Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử không nhận được ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân từ hệ thống tiếp nhận thông tin. Kết quả: 16/19 cơ quan, đơn vị nhất trí về sự cần thiết ban hành và nội dung dự thảo Quyết định; 1/19 cơ quan (Ban Tổ chức Tỉnh ủy) đề nghị có ý kiến sau khi có văn bản sửa đổi Hướng dẫn số 16-HD/TW; 2/19 cơ quan, đơn vị có ý kiến tham gia về các nội dung: Căn cứ ban hành, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ; tiêu chí đánh giá, thành phần Hội đồng thẩm định cấp tỉnh... Các ý kiến tham gia của một số cơ quan, đơn vị, Sở Nội vụ đã nghiên cứu, phân tích, tiếp thu có chọn lọc để chỉnh lý dự thảo Quyết định.

Ngày 15/11/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức họp chuyên đề để xem xét, cho ý kiến về dự thảo. Sở Nội vụ đã tiếp thu các ý kiến tham gia tại cuộc họp theo kết luận của đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để chỉnh lý dự thảo Quyết định.

Ngày 16/11/2019, Sở Nội vụ gửi hồ sơ đề nghị Sở Tư pháp thẩm định theo quy định, đồng thời tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (tại Báo cáo số .../BC-STP ngày .../.../2019) để chỉnh lý, hoàn thiện dự thảo Quyết định và hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG DỰ THẢO

1. Bố cục

Dự thảo Quy định ban hành kèm theo Quyết định gồm 03 chương, 15 điều, cụ thể như sau:

- Chương I: Những quy định chung, gồm 06 điều quy định về: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng; mục đích đánh giá, xếp loại; nguyên tắc đánh giá, xếp loại; căn cứ đánh giá, xếp loại; thời điểm, trình tự đánh giá, xếp loại; thông báo, công khai kết quả xếp loại

- Chương II. Nội dung, thẩm quyền đánh giá, xếp loại, gồm 04 điều, quy định về: phương pháp, khung tiêu chí đánh giá; xếp loại chất lượng; thẩm quyền và tổ chức xếp loại; Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại.

- Chương III. Tổ chức thực hiện, gồm 05 điều, quy định về: Trách nhiệm của Sở Nội vụ; trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; trách nhiệm của sở, ban, ngành; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Nội dung cơ bản

2.1. Dự thảo quy định việc đánh giá, xếp loại chất lượng đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã được thực hiện hằng năm. Đánh giá, xếp loại Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thành trước ngày 15 tháng 12 hằng năm; Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thành trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

2.2. Việc đánh giá chất lượng hằng năm đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã được thực hiện bằng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 đối với các tiêu chí:

- Các tiêu chí về xây dựng Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: Điểm tối đa 40 điểm.

- Các tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm: Điểm tối đa 50 điểm.

- Kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra: Điểm tối đa 10 điểm.

2.3. Quy định khung tiêu chí đánh giá Ủy ban nhân dân cấp huyện; khung tiêu chí đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã và giao Sở Nội vụ căn cứ khung tiêu chí đánh giá để hướng dẫn các tiêu chí cụ thể.

2.4. Về xếp loại chất lượng hằng năm:

a) Quy định Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã được xếp loại theo 4 mức chất lượng: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; hoàn thành tốt nhiệm vụ; hoàn thành nhiệm vụ; không hoàn thành nhiệm vụ.

Tỷ lệ số đơn vị xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” trong năm không vượt quá 20% số Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Trường hợp có trên 20% đơn vị đạt mức “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” thì tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xếp loại xem xét quyết định.

b) Điểm và điều kiện xếp loại Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo tổng số điểm đạt được và các điều kiện khác:

- Về tổng số điểm của các tiêu chí: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt từ 90 điểm trở lên; Hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt từ 75 điểm trở lên; Hoàn thành nhiệm vụ đạt từ 50 điểm trở lên; Không hoàn thành nhiệm vụ đạt dưới 50 điểm.

- Điều kiện xếp loại: Tương ứng với mỗi mức xếp loại có quy định cụ thể điều kiện xếp loại.

2.5. Thẩm quyền và tổ chức xếp loại chất lượng

- Về thẩm quyền xếp loại: Quy định Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xếp loại chất lượng Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xếp loại chất lượng Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Tổ chức xếp loại chất lượng: Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng thẩm định, cơ quan có thẩm quyền quyết định xếp loại tổ chức hợp, quyết định xếp loại cơ quan, tổ chức, đơn vị bằng hình thức bỏ phiếu kín.

(Xin gửi kèm theo: Dự thảo Quyết định; Báo cáo thẩm định, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị; bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị)./.

Nơi nhận:

- Như trên (để trình);
- Văn phòng UBND tỉnh (phối hợp để trình);
- Sở Tư pháp;
- GD, các PGD Sở;
- Lưu: VT, XDCQ&CTTN.

GIÁM ĐỐC

Nông Thị Bích Huệ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **2019/QĐ-UBND**

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019



QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm
đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân
xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW ngày 08/3/2018 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị; Hướng dẫn số 21-HD/BTCTW ngày 18/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Quyết định số ...-QĐi/TU ngày .../.../2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang quy định về việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức đảng, đảng viên và tập thể, cá nhân cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số .../TTr-SNV ngày... tháng... năm 2019 về dự thảo Quyết định ban hành Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2019.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; người đứng đầu các cơ quan, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ TP;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các ban Đảng, Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT Huyện ủy, Thành ủy;
- TT HĐND huyện, thành phố;
- UBND huyện, thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Phòng Tin học - Công báo, VP. UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh truyền hình tỉnh;
- Như Điều 3 (thi hành);
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Tuyên Quang, ngày tháng năm 2019

QUY ĐỊNH

**Về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm
đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân
xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2019/QĐ-UBND ngày /11/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về việc đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng: Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đánh giá, xếp loại chất lượng Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã hằng năm.

Điều 2. Mục đích đánh giá, xếp loại

1. Đánh giá đúng mức độ, hiệu quả hoạt động của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã giúp chính quyền địa phương kịp thời đề ra các giải pháp phát huy những mặt tích cực, đồng thời, khắc phục hạn chế, yếu kém trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành và thực hiện nhiệm vụ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước.

2. Nâng cao hiệu quả công tác, kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

3. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Là căn cứ để đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện, cấp xã.

Điều 3. Nguyên tắc đánh giá, xếp loại

1. Đúng chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.
2. Việc đánh giá, xếp loại phải căn cứ vào kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ và những nhiệm vụ được giao. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; đoàn kết, thống nhất, liên tục, đa chiều; trung thực, khách quan, toàn diện; công khai, minh bạch; đúng thẩm quyền.
3. Đối với những nhiệm vụ không thực hiện được do cấp có thẩm quyền thay đổi, tạm dừng hoặc chưa có hướng dẫn thực hiện thì không đánh giá chất lượng; những nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng không đảm bảo tiến độ hoặc chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao vì lý do khách quan thì không đánh giá chậm tiến độ hoặc trừ điểm.
4. Đánh giá xếp loại là việc làm thường xuyên hằng năm, nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. Trong quá trình đánh giá, xếp loại các tiêu chí đánh giá được điều chỉnh, bổ sung theo đúng quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Điều 4. Căn cứ đánh giá, xếp loại

1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã.
2. Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã.
3. Chương trình, kế hoạch công tác, các chỉ tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt hằng năm.
4. Kết quả đánh giá, xếp loại của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với đánh giá UBND cấp huyện); thôn, tổ dân phố được công nhận “Thôn, tổ dân phố văn hóa” (đối với đánh giá UBND cấp xã).
5. Kết quả khắc phục hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra.
6. Kết quả thực hiện nhiệm vụ đột phá, đổi mới, sáng tạo.

Điều 5. Thời điểm, thời gian đánh giá, xếp loại

1. Đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với Ủy ban nhân dân cấp xã trước, Ủy ban nhân dân cấp huyện sau.
2. Thời điểm đánh giá, xếp loại thực hiện trong tháng 12; Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thành trước ngày 15 tháng 12 hằng năm; Ủy ban nhân dân cấp huyện hoàn thành trước ngày 25 tháng 12 hằng năm.

Điều 6. Thông báo, công khai kết quả xếp loại

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả xếp loại của cơ quan có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã phải công khai kết quả xếp loại chất lượng tại trụ sở làm việc.

Chương II

NỘI DUNG, THẨM QUYỀN ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI

Điều 7. Phương pháp, khung tiêu chí đánh giá

1. Việc đánh giá được thực hiện bằng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 đối với các tiêu chí:

a) Các tiêu chí về xây dựng Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: Điểm tối đa 40 điểm.

b) Các tiêu chí kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm: Điểm tối đa 50 điểm.

c) Kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra: Điểm tối đa 10 điểm.

2. Khung tiêu chí đánh giá:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện đánh giá theo Phụ lục số 01 (Khung tiêu chí đánh giá Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành kèm theo Quy định).

b) Ủy ban nhân dân cấp xã đánh giá theo Phụ lục số 02 (Khung tiêu chí đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành kèm theo Quy định).

Điều 8. Xếp loại chất lượng

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã được xếp loại theo 4 mức.

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

c) Hoàn thành nhiệm vụ.

d) Không hoàn thành nhiệm vụ.

2. Điểm và điều kiện xếp loại các mức chất lượng

a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Là Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có nhiều thành tích nổi bật, có đột phá, đổi mới, sáng tạo khẳng định vị thế, vai trò hàng đầu, điển hình để các đơn vị khác học tập, noi theo; đạt từ 90 điểm trở lên và có đủ điều kiện:

Các tiêu chí về xây dựng Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đạt từ 36 điểm trở lên; các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm đạt từ 45 điểm trở lên; tiêu chí về kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra đạt từ 7 điểm trở lên;

100% Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được xếp loại chất lượng “Hoàn thành nhiệm vụ” trở lên, trong đó có từ 80% được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên (đối với đánh giá UBND cấp huyện); từ 80 % thôn, tổ dân phố được công nhận “Thôn, tổ dân phố văn hóa” trở lên (đối với đánh giá UBND cấp xã).

Tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp huyện); tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã) không vi phạm quy chế tập trung dân chủ, tham ô, tham nhũng hoặc các vi phạm khác bị xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Tỷ lệ số đơn vị xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” trong năm không vượt quá 20% số đơn vị cùng cấp được xếp loại “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”. Trường hợp có trên 20% đơn vị đạt mức “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” thì Hội đồng thẩm định lựa chọn đơn vị có tổng số điểm cao hơn đến hết chỉ tiêu. Trường hợp ở chỉ tiêu cuối cùng có từ 02 cơ quan, đơn vị trở lên có tổng số điểm bằng nhau thì Hội đồng thẩm định tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền xếp loại xem quyết định.

b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ 75 điểm trở lên và có đủ điều kiện:

Các tiêu chí về xây dựng Ủy ban nhân dân cấp huyện đạt từ 28 điểm trở lên; các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm đạt từ 35 điểm trở lên; tiêu chí về kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra đạt từ 5 điểm trở lên;

100% Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được xếp loại chất lượng “Hoàn thành nhiệm vụ” trở lên, trong đó có từ 50% được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên (đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp huyện); từ 50 % thôn, tổ dân phố được công nhận “Thôn, tổ dân phố văn hóa” trở lên (đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã).

Tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp huyện); tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã) không vi phạm quy chế tập trung dân chủ, tham ô, tham nhũng hoặc các vi phạm khác bị xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

c) Hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ 50 điểm trở lên và có đủ điều kiện:

Các tiêu chí về xây dựng Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đạt từ 20 điểm trở lên; các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm đạt từ 25 điểm trở lên; tiêu chí về kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra đạt từ 5 điểm trở lên.

Tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp huyện); tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã) không vi phạm quy chế tập trung dân chủ, tham ô, tham nhũng hoặc các vi phạm khác bị xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

d) Không hoàn thành nhiệm vụ: Đạt dưới 50 điểm hoặc thuộc một trong các trường hợp sau:

Chỉ hoàn thành dưới 50% chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng - an ninh được cấp có thẩm quyền giao (trừ trường hợp bất khả kháng) hoặc các tiêu chí về xây dựng Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đạt dưới 20 điểm hoặc các tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm đạt dưới 25 điểm hoặc tiêu chí về kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra đạt dưới 5 điểm;

Có từ 20% trở lên Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện xếp loại chất lượng “Không hoàn thành nhiệm vụ” (đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp huyện); dưới 50 % thôn, tổ dân phố được công nhận “Thôn, tổ dân phố văn hóa” (đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã).

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã không tự đánh giá và báo cáo kết quả, tài liệu tự đánh giá, xếp loại theo quy định.

Tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp huyện); tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với đánh giá Ủy ban nhân dân cấp xã) vi phạm quy chế tập trung dân chủ, tham ô, tham nhũng hoặc các vi phạm khác bị xử lý kỷ luật theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 9. Thẩm quyền và tổ chức xếp loại

1. Thẩm quyền quyết định xếp loại

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xếp loại chất lượng Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xếp loại chất lượng Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Tổ chức xếp loại

a) Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng thẩm định, cơ quan có thẩm quyền quyết định xếp loại tổ chức hợp, quyết định xếp loại cơ quan, tổ chức, đơn vị bằng hình thức bỏ phiếu kín.

b) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đã được xếp loại chất lượng hằng năm, sau đó phát hiện có vi phạm thì cơ quan có thẩm quyền quyết định xếp loại hủy bỏ kết quả xếp loại và xếp loại lại.

Điều 10. Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại Ủy ban nhân dân cấp xã (gọi chung là Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại).

2. Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại có từ 05 đến 07 thành viên. Thành phần của Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại do cơ quan có thẩm quyền thành lập quy định.

3. Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số, có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Thẩm định kết quả tự chấm điểm và xếp loại chất lượng; bỏ phiếu thông qua kết quả xếp loại.

b) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định xếp loại chất lượng cơ quan, tổ chức, đơn vị hằng năm.

c) Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm; thành viên Hội đồng thẩm định thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

d) Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại thành lập các bộ phận giúp việc nếu xét thấy cần thiết.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cụ thể hóa tiêu chí đánh giá theo khung tiêu chí quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này 7 Quy định này và xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí cụ thể; hướng dẫn tài liệu, biểu mẫu đánh giá, xếp loại phù hợp.

2. Tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại Ủy ban nhân dân cấp huyện đồng thời là Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh

giá, xếp loại cơ quan chuyên môn chuyên môn, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; các tổ chức Hội cấp tỉnh được giao số lượng người làm việc và Ban Điều phối các dự án vốn nước ngoài tỉnh Tuyên Quang.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp kết quả tự đánh giá, xếp loại và chuẩn bị tài liệu, hồ sơ đánh giá, xếp loại chất lượng của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thẩm định, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về các nhiệm vụ đột phá, đổi mới, sáng tạo trong năm của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Theo dõi, kiểm tra việc đánh giá, xếp loại chất lượng Ủy ban nhân dân cấp xã theo Quy định này.

Điều 12. Trách nhiệm của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tổng hợp, gửi Sở Nội vụ kết quả thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại chất lượng của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ được giao và phân công của Chủ tịch Hội đồng thẩm định..

3. Phối hợp chuẩn bị các điều kiện cần thiết để Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại; Ủy ban nhân dân tỉnh họp thẩm định và thông qua kết quả đánh giá, xếp loại Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

Các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu với Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá chất lượng của Ủy ban nhân dân cấp huyện chấm điểm các tiêu chí có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ hoặc phân công Chủ tịch Hội đồng thẩm định.

Điều 14 Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tự đánh giá, chấm điểm và đề xuất mức xếp loại chất lượng; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ tổng hợp) kết quả chấm điểm, đề xuất mức xếp loại chất lượng kèm báo cáo kiểm điểm chất lượng hoạt động, các tài liệu kiểm chứng kết quả chấm điểm trước ngày 20/12 hằng năm. Việc đánh giá, xếp loại đơn vị thực hiện đồng thời với đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức và đánh giá xếp loại tập thể lãnh đạo quản lý.

2. Đăng ký các nhiệm vụ đổi mới, sáng tạo trong năm với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) chậm nhất trong quý I của năm đánh giá. Trường hợp không đăng ký nhiệm vụ đột phá, đổi mới, sáng tạo trong năm thì không xem xét xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Thành lập Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại chất lượng Ủy ban nhân dân cấp xã; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng Ủy ban nhân dân cấp xã hằng năm theo quy định tại Quy định này.

4. Ban hành Quy định đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hằng năm.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã tự đánh giá, chấm điểm và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện Tự đánh giá, chấm điểm và đề xuất mức xếp loại chất lượng; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Phòng Nội vụ hoặc cơ quan Tổ chức - Nội vụ) kết quả chấm điểm, đề xuất mức xếp loại chất lượng kèm báo cáo kiểm điểm chất lượng hoạt động, các tài liệu kiểm chứng kết quả chấm điểm. Việc đánh giá, xếp loại đơn vị thực hiện đồng thời với đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức và đánh giá xếp loại tập thể lãnh đạo quản lý.

2. Đăng ký các nhiệm vụ đột phá, đổi mới, sáng tạo trong năm với Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nội vụ hoặc cơ quan Tổ chức - Nội vụ) chậm nhất trong quý I của năm đánh giá. Trường hợp không đăng ký nhiệm vụ sáng tạo, đổi mới trong năm thì không xem xét xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

PHỤ LỤC SỐ 01

**KHUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Stt	Tiêu chí	Thang điểm tối đa
1	2	3
	TỔNG ĐIỂM (I+II+III)	100
I	CÁC TIÊU CHÍ VỀ XÂY DỰNG UBND CẤP HUYỆN	40
1	Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình	5
2	Việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế làm việc	5
3	Thực hiện quy chế phối hợp, mối quan hệ công tác với cơ quan cấp trên, các sở, ban ngành, các Ban HĐND, Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cùng cấp	5
4	Xây dựng đoàn kết nội bộ	5
5	Trách nhiệm của tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ chính trị; xây dựng Ủy ban nhân dân "trong sạch, vững mạnh"	20
II	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TRONG NĂM	50
1	Xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch công tác, xác định các nhiệm vụ trọng tâm hằng năm	5
2	Thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh	30
3	Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm	5
4	Thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao	5
5	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện	5
III	KHẮC PHỤC NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM ĐÃ ĐƯỢC CHỈ RA	10

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

PHỤ LỤC SỐ 02

**KHUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

(Kèm theo Quy định ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

Stt	Tiêu chí	Thang điểm tối đa
1	2	3
	TỔNG ĐIỂM (I+II+III)	100
I	CÁC TIÊU CHÍ VỀ XÂY DỰNG UBND CẤP HUYỆN	40
1	Việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình	5
2	Việc xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế làm việc	5
3	Thực hiện quy chế phối hợp, mối quan hệ công tác với cơ quan cấp trên; các phòng, ban cấp huyện; các Ban HĐND, Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cùng cấp	5
4	Xây dựng đoàn kết nội bộ	5
5	Trách nhiệm của tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân trong lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ chính trị; xây dựng Ủy ban nhân dân "trong sạch, vững mạnh"	20
II	KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TRONG NĂM	50
1	Xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch công tác, xác định các nhiệm vụ trọng tâm hằng năm	5
2	Thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh	30
3	Thực hiện nhiệm vụ trọng tâm	5
4	Thực hiện nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao	5
5	Thôn, tổ dân phố được công nhận danh hiệu "Thôn, tổ dân phố văn hóa"	5
III	KHẮC PHỤC NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM ĐÃ ĐƯỢC CHỈ RA	10

**BẢN TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ
VỀ DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG HẰNG NĂM ĐỐI VỚI ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN, THÀNH PHỐ;
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-SNV ngày của Sở Nội vụ)

Nội dung dự thảo	Ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị	Nội dung tiếp thu	Giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)
A. DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH			
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ			
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;	Sở Tư pháp đề nghị: Bỏ căn cứ “Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật”, vì không phải căn cứ ban hành theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: “... Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản”.	Tiếp thu	Sở Nội vụ tiếp thu, bỏ căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ
II. NƠI NHẬN			
Nơi nhận	Sở Tư pháp đề nghị bổ sung địa chỉ nơi nhận sau: “UBND huyện, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn”	Tiếp thu	Sở Nội vụ tiếp thu, bổ sung và nơi nhận

Nội dung dự thảo	Ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị	Nội dung tiếp thu	Giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)
B. DỰ THẢO QUY ĐỊNH			
Điều 6. Phương pháp đánh giá, xếp loại 1. Việc đánh giá được thực hiện bằng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100 đối với các tiêu chí và tiêu chí thành phần. 2. Đối với những nhiệm vụ thực hiện không theo kế hoạch do cấp có thẩm quyền thay đổi, tạm dừng hoặc chưa có hướng dẫn để thực hiện thì không đánh giá chất lượng. Đối với những tiêu chí thành phần không được giao chỉ tiêu, kế hoạch thì chấm điểm tối đa. 3. Đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với Ủy ban nhân dân cấp xã trước, Ủy ban nhân dân cấp huyện sau.	Sở Tư pháp đề nghị “Phương pháp đánh giá, xếp loại...” 3. Đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với UBND cấp xã trước, UBND cấp huyện sau”. Đề nghị đưa quy định nêu trên về Điều 5 (Thời điểm đánh giá, xếp loại), vì nội dung này không phải phương pháp đánh giá, xếp loại, mà là thời điểm đánh giá, xếp loại.	Tiếp thu	Sở Nội vụ tiếp thu quy định tại "Điều 5. Thời điểm đánh giá, xếp loại"
Điểm a, b, c điều 8. dự thảo không quy định nội dung này	Sở Tư pháp đề nghị: - Theo điểm a, b, c nếu thỏa mãn các điều kiện tại các điểm này thì UBND cấp huyện, cấp xã sẽ được “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”, “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” hoặc “Hoàn thành nhiệm vụ” kể cả khi cơ quan, đơn vị trực thuộc quản lý trực tiếp (đối với cấp huyện) hoặc UBND cấp xã (đối với cấp xã) xảy ra các vụ, việc tham ô, tham nhũng và các vi phạm khác bị xử lý theo quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước (trừ trường hợp tự phát hiện và khắc phục xong hậu quả), tuy nhiên theo điểm d thì trường hợp này thuộc trường hợp “Không hoàn thành nhiệm vụ”. Đề nghị chỉnh sửa cho thống nhất.		Sở Nội vụ tiếp thu, chỉnh sửa bổ sung vào nội dung đánh giá các mức chất lượng tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 8 dự thảo

Nội dung dự thảo	Ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị	Nội dung tiếp thu	Giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)
Điều 8 quy định: "b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ 75 điểm đến dưới 90 điểm và có đủ điều kiện:" "c) Hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ 50 điểm đến dưới 75 điểm và có đủ các điều kiện:"	- Trường hợp UBND cấp huyện, cấp xã đạt tổng số điểm trên 90 điểm nhưng không thỏa mãn các điều kiện khác tại khoản a để được xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" và không thuộc các trường hợp bị xếp loại "Không hoàn thành nhiệm vụ" tại điểm d thì sẽ không thể xếp vào loại nào, vì điểm b quy định "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" phải đạt từ 75 đến dưới 90 điểm, điểm c quy định "Hoàn thành nhiệm vụ" phải đạt từ 50 đến dưới 75. Tương tự, trường hợp UBND cấp huyện, cấp xã đạt tổng số điểm trong khoảng từ 75 đến dưới 90 nhưng lại không thỏa mãn các điều kiện khác tại điểm b để được xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" và không thuộc các trường hợp bị xếp loại "Không hoàn thành nhiệm vụ" tại điểm d cũng không thể xếp vào loại nào.	Tiếp thu	Sở Nội vụ tiếp thu, chỉnh sửa như sau: "b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ: Đạt từ 75 điểm trở lên và có đủ điều kiện:" "c) Hoàn thành nhiệm vụ: Đạt từ 50 điểm trở lên và có đủ các điều kiện:"
Khoản 1 Điều 10 và khoản 1 Điều 14 quy định tiêu chí đánh giá Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã: a) Nhóm tiêu chí về xây dựng Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã gồm 03 tiêu chí cụ thể và các tiêu chí thành phần. b) Nhóm tiêu chí về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong năm gồm 07 tiêu chí cụ thể và các tiêu chí thành phần. c) Nhóm tiêu chí về kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém đã được chỉ ra trong năm."	Ban Thường trực Ủy ban MTTQ tỉnh đề nghị bổ sung số điểm tối đa đối với từng nhóm tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 10 và khoản 1 Điều 14	Tiếp thu	Sở Nội vụ tiếp thu, chỉnh sửa

Nội dung dự thảo	Ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị	Nội dung tiếp thu	Giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)
3. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã đăng ký các nhiệm vụ đổi mới, sáng tạo trong năm với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp trên trực tiếp chậm nhất trong quý I. Trường hợp không đăng ký nhiệm vụ sáng tạo, đổi mới trong năm thì không xem xét xếp loại Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.	Sở Tư pháp đề nghị quy định: "...Trường hợp không đăng ký nhiệm vụ sáng tạo, đổi mới trong năm thì không xem xét xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ". Đề nghị chỉnh sửa cụm từ "nhiệm vụ sáng tạo, đổi mới" thành "nhiệm vụ đổi mới, sáng tạo".	Tiếp thu	Sở Nội vụ tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 1 Điều 7 dự thảo.

Nội dung dự thảo	Ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị	Nội dung tiếp thu	Giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)
Điều 12. Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp loại 1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định kết quả tự đánh giá, xếp loại chất lượng Ủy ban nhân dân cấp huyện hằng năm. 2. Thành phần Hội đồng thẩm định a) Chủ tịch Hội đồng: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc Sở Nội vụ. c) Các Ủy viên Hội đồng: Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chánh Thanh tra tỉnh. Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tư pháp; Tài chính; Lao động Thương binh và Xã hội; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Giáo dục và Đào tạo; Công thương. Trường hợp khuyết Giám đốc Sở thì Phó Giám đốc Sở tham gia Ủy viên Hội đồng. Đại diện lãnh đạo Công an tỉnh; đại diện lãnh đạo Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.	Theo quy định nêu trên thì Ủy viên Hội đồng không bao gồm Giám đốc Sở Y tế là không hợp lý, vì khoản 11 Mục II Phần B Phụ lục số 01 ban hành kèm theo dự thảo Quyết định quy định tiêu chí "Các chỉ tiêu y tế" thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Y tế, nếu Hội đồng thẩm định không có sự tham gia của cơ quan này thì việc thẩm định, bỏ phiếu không đảm bảo toàn diện. Do đó, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa, đồng thời rà soát lại toàn bộ tiêu chí để xác định thành viên Hội đồng cho phù hợp.	Không tiếp thu	Dự thảo chỉnh sửa theo hướng không quy định cụ thể về thành phần của Hội đồng thẩm định. Chỉ quy định số lượng. Thành phần do Chủ tịch HĐ quy định nên không bỏ quy định về Sở Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định và quy định trách nhiệm của Sở Nội vụ "Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp kết quả tự đánh giá, xếp loại và chuẩn bị tài liệu, hồ sơ đánh giá, xếp loại chất lượng của Ủy ban nhân dân cấp huyện"

Nội dung dự thảo	Ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị	Nội dung tiếp thu	Giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)
Điều 19. Trách nhiệm của Sở Nội vụ 1. Là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định; giúp Hội đồng thẩm định chuẩn bị tài liệu, hồ sơ đánh giá, xếp loại. 2. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thẩm định, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về các nhiệm vụ sáng tạo, đổi mới trong năm của Ủy ban nhân dân cấp huyện. 3. Theo dõi, kiểm tra việc đánh giá, xếp loại chất lượng Ủy ban nhân dân cấp xã theo Quy định này.	Sở Tư pháp đề nghị khoản 1 quy định: “Sở Nội vụ...là cơ quan thường trực của Hội đồng thẩm định; giúp Hội đồng thẩm định chuẩn bị tài liệu, hồ sơ đánh giá, xếp loại”. Đề nghị thêm chữ “tỉnh” sau cụm từ ‘Hội đồng thẩm định”.	Không tiếp thu	Dự thảo chỉnh sửa theo hướng không quy định cụ thể về thành phần của Hội đồng thẩm định. Chỉ quy định số lượng. Thành phần do Chủ tịch HĐ quy định nên dự thảo quy định trách nhiệm của Sở Nội vụ “Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp kết quả tự đánh giá, xếp loại và chuẩn bị tài liệu, hồ sơ đánh giá, xếp loại chất lượng của Ủy ban nhân dân cấp huyện”
C. PHỤ LỤC			
Mục IV Phần A Phụ lục số 01 Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền	Sở Tư pháp đề nghị 3.1. Khoản 2 (Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền) Mục IV Phần A Phụ lục số 01 quy định: “Thực hiện tiếp công dân đúng quy định; 90% trở lên khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền được giải quyết, không có khiếu kiện động người”. Quy định “90% trở lên” chưa rõ ràng, có thể hiểu là từ 90% trở lên hoặc trên 90% trở lên, đề nghị chỉnh sửa, đồng thời chỉnh sửa tương tự tại khoản 2 Mục V Phần A Phụ lục số 02.	Không tiếp thu tại dự thảo Quy định	Dự thảo Quy định sửa nội dung này theo hướng chỉ ban hành Khung tiêu chí, tiêu chí cụ thể do Sở Nội vụ hướng dẫn. Sở Nội vụ tiếp thu nội dung này và chỉnh sửa tại hướng dẫn của Sở Nội vụ
Tiêu chí 1, mục IV, phần A Việc cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch, chương trình... của tỉnh tại địa phương.	Ban Thường trực Ủy ban MTTQ đề nghị xác định rõ hơn nội dung mức độ thực hiện tiêu chí thứ 3: ở đây được hiểu là không ban hành văn bản tổ chức triển khai thực hiện ít nhất 01 chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch, chương trình... hay không ban hành văn bản tổ chức triển khai thực hiện tất cả các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch, chương trình.	Không tiếp thu tại dự thảo Quy định	Dự thảo Quy định sửa nội dung này theo hướng chỉ ban hành Khung tiêu chí, tiêu chí cụ thể do Sở Nội vụ hướng dẫn. Sở Nội vụ tiếp thu nội dung này và chỉnh sửa tại hướng dẫn của Sở Nội vụ

Nội dung dự thảo	Ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị	Nội dung tiếp thu	Giải trình
(1)	(2)	(3)	(4)
Tiêu chí 4, mục IV, phần A Việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền và thực hiện quy định về văn hóa công sở	Ban Thường trực Ủy ban MTTQ đề nghị bổ sung nội dung đánh giá mức độ thực hiện tiêu chí thứ 3: vi phạm quy định về quản lý, sử dụng công chức, viên chức, người lao động; không thực hiện nghiêm kế hoạch tinh giản biên chế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Không tiếp thu tại dự thảo Quy định	Dự thảo Quy định sửa nội dung này theo hướng chỉ ban hành Khung tiêu chí, tiêu chí cụ thể do Sở Nội vụ hướng dẫn. Sở Nội vụ rà soát nội dung này và đề chỉnh sửa tại hướng dẫn của Sở Nội vụ
Tiêu chí 4, mục IV, phần A Việc quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc thẩm quyền và thực hiện quy định về văn hóa công sở	Ban Thường trực Ủy ban MTTQ đề nghị tiêu chí 4, mục IV, phần A, đề nghị mức độ thực hiện tiêu chí thứ 3 là 0 điểm	Không tiếp thu tại dự thảo Quy định	Dự thảo Quy định sửa nội dung này theo hướng chỉ ban hành Khung tiêu chí, tiêu chí cụ thể do Sở Nội vụ hướng dẫn. Sở Nội vụ rà soát nội dung này và đề chỉnh sửa tại hướng dẫn của Sở Nội vụ
Mục V, phần A Thực hiện quy chế phối hợp, mối quan hệ công tác với cơ quan cấp trên, các sở, ban ngành, các Ban HĐND, Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cùng cấp	Ban Thường trực Ủy ban MTTQ đề nghị bổ sung cụm từ "hiệu quả" vào cuối nội dung đánh giá mức độ thực hiện tiêu chí thứ 1	Không tiếp thu tại dự thảo Quy định	Dự thảo Quy định sửa nội dung này theo hướng chỉ ban hành Khung tiêu chí, tiêu chí cụ thể do Sở Nội vụ hướng dẫn. Sở Nội vụ rà soát nội dung này và đề chỉnh sửa tại hướng dẫn của Sở Nội vụ